

THỜI KHÓA BIỂU CHÍNH THỨC HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024_2025

Đơn vị đảm nhận : Khoa Đại cương - Ngoại ngữ - An ninh Quốc phòng

Bậc đào tạo : Đại học chính quy

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa				
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường					
1	4TQ001 DC	5	Giáo dục Quốc phòng và An ninh(224_3)_01	65	0	LT	Nguyễn Công Thắng	21/07-27/07/25	1												1,2,3,4,5	A2.105	CDCQ 50					
							Nguyễn Công Thắng	28/07-03/08/25	1	1,2,3,4,5	A2.105																CDCQ 50	
							Nguyễn Công Thắng					1,2,3,4,5	A2.105													CDCQ 50		
							Nguyễn Công Thắng							1,2,3,4,5	A2.105												CDCQ 50	
							Nguyễn Công Thắng								1,2,3,4,5	A2.105											CDCQ 50	
							Nguyễn Công Thắng									1,2,3,4,5	A2.105										CDCQ 50	
							Nguyễn Công Thắng										1,2,3,4,5	A2.105									CDCQ 50	
							Nguyễn Công Thắng											1,2,3,4,5	A2.105								CDCQ 50	
							Nguyễn Công Thắng													1,2,3,4,5	A2.105						CDCQ 50	
							Nguyễn Công Thắng													1,2,3,4,5	A2.105				CDCQ 50			
							Nguyễn Công Thắng															1,2,3,4,5	A2.105			CDCQ 50		
							Nguyễn Công Thắng	04/08-10/08/25	1	1,2,3,4,5	A2.105																	CDCQ 50
							Nguyễn Công Thắng					1,2,3,4,5	A2.105															CDCQ 50
							Nguyễn Công Thắng							1,2,3,4,5	A2.105													CDCQ 50
							Nguyễn Công Thắng									1,2,3,4,5	A2.105											CDCQ 50
							Nguyễn Công Thắng											1,2,3,4,5	A2.105									CDCQ 50
Nguyễn Công Thắng													1,2,3,4,5	A2.105							CDCQ 50							
Nguyễn Công Thắng															1,2,3,4,5	A2.105					CDCQ 50							
Nguyễn Công Thắng																		1,2,3,4,5	A2.105			CDCQ 50						
							Hoàng Công Minh	30/06-13/07/25	2	8,9,10	SVĐ1													CDCQ 50				
							Hoàng Công Minh					8,9,10	SVĐ1														CDCQ 50	
							Hoàng Công Minh							8,9,10	SVĐ1													CDCQ 50
							Hoàng Công Minh									8,9,10	SVĐ1											CDCQ 50

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa		
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường			
2	4TQ002 DC	2	Giáo dục thể chất(224_3)_01_TH	65	0	TH	Hoàng Công Minh		1									8,9,10	SVĐ1					CDCQ 50		
							Hoàng Công Minh														8,9,10	SVĐ1			CDCQ 50	
							Hoàng Công Minh																8,9,10	SVĐ1	CDCQ 50	
							Hoàng Công Minh			14/07-20/07/25	8,9,10	SVĐ1														CDCQ 50
							Hoàng Công Minh						8,9,10	SVĐ1												CDCQ 50
							Hoàng Công Minh								8,9,10	SVĐ1										CDCQ 50
							Hoàng Công Minh										8,9,10	SVĐ1								CDCQ 50
							Hoàng Công Minh												8,9,10	SVĐ1						CDCQ 50
							Hoàng Công Minh														8,9,10	SVĐ1				CDCQ 50
Hoàng Công Minh												8,9,10	SVĐ1				CDCQ 50									
Hoàng Công Minh														8,9,10	SVĐ1			CDCQ 50								
1	4TQ012 DC	1	Bóng chuyền 1(224_3)_01_TH	60	0	TH	Lê Anh Thor	30/06-06/07/25	1	8,9,10	SVD6													DHCQ 17		
							Lê Anh Thor					8,9,10	SVD6													DHCQ 17
							Lê Anh Thor							8,9,10	SVD6											DHCQ 17
							Lê Anh Thor									8,9,10	SVD6									DHCQ 17
							Lê Anh Thor											8,9,10	SVD6							DHCQ 17
							Lê Anh Thor													8,9,10	SVD6					DHCQ 17
							Lê Anh Thor																	8,9,10	SVD6	DHCQ 17
							Lê Anh Thor	07/07-13/07/25		8,9,10	SVD6															DHCQ 17
							Lê Anh Thor					8,9,10	SVD6												DHCQ 17	
							Lê Anh Thor							8,9,10	SVD6										DHCQ 17	
						Nguyễn Đình Tuấn	07/07-13/07/25	1							8,9,10	SVD6							DHCQ 17			
						Nguyễn Đình Tuấn										8,9,10	SVD6							DHCQ 17		
						Nguyễn Đình Tuấn												8,9,10	SVD6					DHCQ 17		

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
2	4TQ013 DC	1	Bóng chuyền 2(224_3)_01_TH	60	0	TH	Nguyễn Đình Tuấn															8,9,10	SVD6	DHCQ 17
							Nguyễn Đình Tuấn	14/07-20/07/25	1	8,9,10	SVD6													DHCQ 17
							Nguyễn Đình Tuấn					8,9,10	SVD6											DHCQ 17
							Nguyễn Đình Tuấn							8,9,10	SVD6									DHCQ 17
							Nguyễn Đình Tuấn									8,9,10	SVD6							DHCQ 17
							Nguyễn Đình Tuấn											8,9,10	SVD6					DHCQ 17
							Nguyễn Đình Tuấn													8,9,10	SVD6			DHCQ 17
3	4TQ009 DC	1	Điền kinh 1(224_3)_01_TH	60	0	TH	Nguyễn Xuân Trường	30/06-06/07/25	1	1,2,3	SVD6													DHCQ 17
							Nguyễn Xuân Trường					1,2,3	SVD6											DHCQ 17
							Nguyễn Xuân Trường							1,2,3	SVD6									DHCQ 17
							Nguyễn Xuân Trường									1,2,3	SVD6							DHCQ 17
							Nguyễn Xuân Trường											1,2,3	SVD6					DHCQ 17
							Nguyễn Xuân Trường													1,2,3	SVD6			DHCQ 17
							Nguyễn Xuân Trường															1,2,3	SVD6	DHCQ 17
							Nguyễn Xuân Trường	07/07-13/07/25	1	1,2,3	SVD6													DHCQ 17
							Nguyễn Xuân Trường					1,2,3	SVD6											DHCQ 17
							Nguyễn Xuân Trường							1,2,3	SVD6									DHCQ 17
4	3TQ007 DC	2	Giáo dục thể chất 1 (thể dục + điền kinh)(224_3)_01_TH	50	0	TH	Nguyễn Văn Luyện	30/06-13/07/25	2	1,2,3	SVĐ1													DHCQ 16
							Nguyễn Văn Luyện					1,2,3	SVĐ1											DHCQ 16
							Nguyễn Văn Luyện							1,2,3	SVĐ1									DHCQ 16
							Nguyễn Văn Luyện									1,2,3	SVĐ1							DHCQ 16
							Nguyễn Văn Luyện											1,2,3	SVĐ1					DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
							Nguyễn Văn Luyện													1,2,3	SVĐ1			DHCQ 16
							Nguyễn Văn Luyện															1,2,3	SVĐ1	DHCQ 16
							Nguyễn Văn Luyện	14/07-20/07/25	1	1,2,3	SVĐ1													DHCQ 16

Đơn vị đảm nhận : Khoa Đại cương - Ngoại ngữ - An ninh Quốc phòng

Bậc đào tạo : Đại học chính quy

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
1	2DC011 DC	2	Hóa học đại cương 1(224_3)_01	60	0	LT	Nguyễn Thị XuânHội	30/06-13/07/25	2	11,12	A2.108													DHCQ 17
							Nguyễn Thị XuânHội					11,12	A2.108											DHCQ 17
							Nguyễn Thị XuânHội							11,12	A2.108									DHCQ 17
							Nguyễn Thị XuânHội									11,12	A2.108							DHCQ 17
							Nguyễn Thị XuânHội											11,12	A2.108					DHCQ 17
							Nguyễn Thị XuânHội													11,12	A2.108			DHCQ 17
							Nguyễn Thị XuânHội															11,12	A2.108	DHCQ 17
							Nguyễn Thị XuânHội	14/07-20/07/25	1	11,12	A2.108													DHCQ 17
2	3DC004 DC	2	Toán cao cấp 1(224_3)_01	60	0	LT	Trần Hải Yến	30/06-13/07/25	2	4,5	A2.104													DHCQ 17
							Trần Hải Yến					4,5	A2.104											DHCQ 17
							Trần Hải Yến							4,5	A2.104									DHCQ 17
							Trần Hải Yến									4,5	A2.104							DHCQ 17
							Trần Hải Yến											4,5	A2.104					DHCQ 17
							Trần Hải Yến													4,5	A2.104			DHCQ 17
							Trần Hải Yến															4,5	A2.104	DHCQ 17
							Trần Hải Yến	14/07-20/07/25	1	4,5	A2.104													DHCQ 17
3	3DC005 DC	2	Toán cao cấp 2(224_3)_01	60	0	LT	Nguyễn Thị Thu Nhung	30/06-13/07/25	2	13,14	A2.108													DHCQ 17
							Nguyễn Thị Thu Nhung					13,14	A2.108											DHCQ 17
							Nguyễn Thị Thu Nhung							13,14	A2.108									DHCQ 17
							Nguyễn Thị Thu Nhung									13,14	A2.108							DHCQ 17
							Nguyễn Thị Thu Nhung											13,14	A2.108					DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
							Nguyễn Thị Thu Nhung													13,14	A2.108			DHCQ 17
							Nguyễn Thị Thu Nhung															13,14	A2.108	DHCQ 17
							Nguyễn Thị Thu Nhung	14/07-20/07/25	1	13,14	A2.108													DHCQ 17
4	4DC016 DC	2	Vật lý đại cương 1(224_3)_01	60	0	LT	Lê Thị Ngọc Linh	30/06-13/07/25	2	11,12	A2.107													DHCQ 17
							Lê Thị Ngọc Linh					11,12	A2.107											DHCQ 17
							Lê Thị Ngọc Linh							11,12	A2.107									DHCQ 17
							Lê Thị Ngọc Linh									11,12	A2.107							DHCQ 17
							Lê Thị Ngọc Linh											11,12	A2.107					DHCQ 17
							Lê Thị Ngọc Linh													11,12	A2.107			DHCQ 17
							Lê Thị Ngọc Linh															11,12	A2.107	DHCQ 17
							Lê Thị Ngọc Linh																	DHCQ 17
							Lê Thị Ngọc Linh	14/07-20/07/25	1	11,12	A2.107													DHCQ 17
5	4DC017 DC	2	Vật lý đại cương 2(224_3)_01	60	0	LT	Bùi Danh Hào	30/06-13/07/25	2	11,12	A2.106													DHCQ 17
							Bùi Danh Hào					11,12	A2.106											DHCQ 17
							Bùi Danh Hào							11,12	A2.106									DHCQ 17
							Bùi Danh Hào									11,12	A2.106							DHCQ 17
							Bùi Danh Hào											11,12	A2.106					DHCQ 17
							Bùi Danh Hào													11,12	A2.106			DHCQ 17
							Bùi Danh Hào															11,12	A2.106	DHCQ 17
							Bùi Danh Hào	14/07-20/07/25	1	11,12	A2.106													DHCQ 17
							Lê ThịHuệ			13,14	A2.107													DHCQ 17
							Lê ThịHuệ					13,14	A2.107											DHCQ 17
							Lê ThịHuệ							13,14	A2.107									DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
6	2DC007 DC	2	Xác suất thống kê(224_3)_01	60	0	LT	Lê ThịHuệ	30/06-13/07/25	2							13,14	A2.107							DHCQ 17
							Lê ThịHuệ											13,14	A2.107					DHCQ 17
							Lê ThịHuệ													13,14	A2.107			DHCQ 17
							Lê ThịHuệ															13,14	A2.107	DHCQ 17
							Lê ThịHuệ	14/07-20/07/25	1	13,14	A2.107													DHCQ 17

Đơn vị đảm nhận : Khoa Đại cương - Ngoại ngữ - An ninh Quốc phòng

Bậc đào tạo : Đại học chính quy

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa		
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học					
1	3NN007 DC	2	Tiếng Anh chuyên ngành Điện, điện tử(224_3)_01	45	0	LT	Trần Khắc Hoàn	21/07-27/07/25	1												6,7	A2.102	DHCC 17			
							Trần Khắc Hoàn	28/07-10/08/25	2	6,7	A2.102															DHCC 17
							Trần Khắc Hoàn					6,7	A2.102												DHCQ 17	
							Trần Khắc Hoàn							6,7	A2.102											DHCC 17
							Trần Khắc Hoàn								6,7	A2.102										DHCQ 17
							Trần Khắc Hoàn									6,7	A2.102									DHCC 17
							Trần Khắc Hoàn										6,7	A2.102								DHCQ 17
							Trần Khắc Hoàn												6,7	A2.102						DHCQ 17
Trần Khắc Hoàn															6,7	A2.102	DHCQ 17									
2	3NN008 DC	2	Tiếng Anh chuyên ngành ô tô(224_3)_01	45	0	LT	Lê Thị Thúy	21/07-27/07/25	1												6,7	A2.106	DHCC 17			
							Lê Thị Thúy	28/07-10/08/25	2	6,7	A2.106															DHCQ 17
							Lê Thị Thúy					6,7	A2.106													DHCQ 17
							Lê Thị Thúy							6,7	A2.106											DHCQ 17
							Lê Thị Thúy								6,7	A2.106										DHCQ 17
							Lê Thị Thúy									6,7	A2.106									DHCQ 17
							Lê Thị Thúy											6,7	A2.106							DHCQ 17
							Lê Thị Thúy													6,7	A2.106					DHCQ 17
Lê Thị Thúy															6,7	A2.106	DHCQ 17									
3	4NN001 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 1(224_3)_01	60	0	LT	Phạm Thị Hải Yến	21/07-27/07/25	1												1,2,3	A2.203	DHCC 17			
							Phạm Thị Hải Yến	28/07-10/08/25	2	1,2,3	A2.203															DHCQ 17
							Phạm Thị Hải Yến					1,2,3	A2.203													DHCQ 17
							Phạm Thị Hải Yến							1,2,3	A2.203											DHCQ 17
							Phạm Thị Hải Yến									1,2,3	A2.203									DHCQ 17
							Phạm Thị Hải Yến											1,2,3	A2.203							

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
							Phạm Thị Hải Yến											1,2,3	A2.203					DHCQ 17
							Phạm Thị Hải Yến													1,2,3	A2.203			DHCQ 17
							Phạm Thị Hải Yến															1,2,3	A2.203	DHCQ 17
4	4NN002 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 2(224_3)_01	60	0	LT	Lê Minh Sao	21/07-27/07/25	1													8,9,10	A2.106	DHCQ 17
							Lê Minh Sao	28/07-10/08/25	2	8,9,10	A2.106													DHCQ 17
							Lê Minh Sao					8,9,10	A2.106											DHCQ 17
							Lê Minh Sao							8,9,10	A2.106									DHCQ 17
							Lê Minh Sao									8,9,10	A2.106							DHCQ 17
							Lê Minh Sao											8,9,10	A2.106					DHCQ 17
							Lê Minh Sao													8,9,10	A2.106			DHCQ 17
							Lê Minh Sao															8,9,10	A2.106	DHCQ 17
							Lê Minh Sao																	DHCQ 17
5	4NN009 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 3(224_3)_01	60	0	LT	Nguyễn Thị Lan Phương	28/07-03/08/25	1	11,12,13,14	A2.106													DHCQ 17
							Nguyễn Thị Lan Phương					11,12,13,14	A2.106											DHCQ 17
							Nguyễn Thị Lan Phương							11,12,13,14	A2.106									DHCQ 17
							Nguyễn Thị Lan Phương									11,12,13,14	A2.106							DHCQ 17
							Bùi Thị Xuân Linh											11,12,13,14	A2.106					DHCQ 17
							Bùi Thị Xuân Linh													11,12,13,14	A2.106			DHCQ 17
							Bùi Thị Xuân Linh															11,12,13,14	A2.106	DHCQ 17
							Nguyễn Thị Lệ Hằng	04/08-10/08/25	1	11,12,13,14	A2.106													DHCQ 17
							Nguyễn Thị Lệ Hằng					11,12,13,14	A2.106											DHCQ 17
							Nguyễn Thị Lệ Hằng							11,12,13,14	A2.106									DHCQ 17
							Nguyễn Thị Lệ Hằng									11,12,13	A2.106							DHCQ 17
							Nguyễn Thị Lệ Hằng																	DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
							Nguyễn Thị Lệ Hằng											11,12	A2.106					DHCQ 17
6	3NN009 DC	3	Tiếng Anh cơ bản A1(224_3)_01	60	0	LT	Đoàn Thị Bích Diễm	21/07-27/07/25	1													1,2,3	A2.207 (TA)	DHCQ 16
							Đoàn Thị Bích Diễm	28/07-10/08/25	2	1,2,3	A2.207 (TA)													DHCQ 16
							Đoàn Thị Bích Diễm					1,2,3	A2.207 (TA)											DHCQ 16
							Đoàn Thị Bích Diễm							1,2,3	A2.207 (TA)									DHCQ 16
							Đoàn Thị Bích Diễm									1,2,3	A2.207 (TA)							DHCQ 16
							Đoàn Thị Bích Diễm											1,2,3	A2.207 (TA)					DHCQ 16
							Đoàn Thị Bích Diễm													1,2,3	A2.207 (TA)			DHCQ 16
							Đoàn Thị Bích Diễm															1,2,3	A2.207 (TA)	DHCQ 16
							Đoàn Thị Bích Diễm															1,2,3	A2.207 (TA)	DHCQ 16
7	3NN010 DC	3	Tiếng Anh cơ bản A2(224_3)_01	60	0	LT	Đinh Thị Thu	21/07-27/07/25	1													8,9,10	A2.207 (TA)	DHCQ 16
							Đinh Thị Thu	28/07-10/08/25	2	8,9,10	A2.207 (TA)													DHCQ 16
							Đinh Thị Thu					8,9,10	A2.207 (TA)											DHCQ 16
							Đinh Thị Thu							8,9,10	A2.207 (TA)									DHCQ 16
							Đinh Thị Thu									8,9,10	A2.207 (TA)							DHCQ 16
							Đinh Thị Thu											8,9,10	A2.207 (TA)					DHCQ 16
							Đinh Thị Thu													8,9,10	A2.207 (TA)			DHCQ 16
							Đinh Thị Thu															8,9,10	A2.207 (TA)	DHCQ 16
							Đinh Thị Thu															8,9,10	A2.207 (TA)	DHCQ 16
							Đinh Thị Thu															8,9,10	A2.207 (TA)	DHCQ 16

Đơn vị đảm nhận : Khoa Cơ khí Chế tạo

Bậc đào tạo : Đại học chính quy

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa							
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học										
1	3CK104 CD	2	Cơ học ứng dụng(224_3)_01	45	0	LT	Lưu Thủy Chung	21/07-27/07/25	1											4,5	A2.101			CDCQ 50							
							Lưu Thủy Chung													4,5	A2.101	CDCQ 50									
							Lưu Thủy Chung	28/07-03/08/25	1	4,5	A2.101																	CDCQ 50			
							Lưu Thủy Chung					4,5	A2.101													CDCQ 50					
							Lưu Thủy Chung							4,5	A2.101											CDCQ 50					
							Lưu Thủy Chung								4,5	A2.101										CDCQ 50					
							Lưu Thủy Chung									4,5	A2.101									CDCQ 50					
							Lưu Thủy Chung										4,5	A2.101								CDCQ 50					
							Lưu Thủy Chung											4,5	A2.101							CDCQ 50					
							Lưu Thủy Chung												4,5	A2.101						CDCQ 50					
							Lưu Thủy Chung	04/08-10/08/25	1														4,5	A2.101				CDCQ 50			
							Lưu Thủy Chung																	4,5	A2.101			CDCQ 50			
							Lưu Thủy Chung																			4,5	A2.101		CDCQ 50		
							Lưu Thủy Chung																				4,5	A2.101		CDCQ 50	
							Lưu Thủy Chung																					4,5	A2.101		CDCQ 50
							Lưu Thủy Chung																						4,5	A2.101	
							Lê Thái Sơn	21/07-27/07/25	1												8,9,10	A2.101			CDCQ 50						
							Lê Thái Sơn																8,9,10	A2.101			CDCQ 50				
							Lê Thái Sơn	28/07-03/08/25	1	8,9,10	A2.101																	CDCQ 50			
							Lê Thái Sơn					8,9,10	A2.101														CDCQ 50				
							Lê Thái Sơn							8,9,10	A2.101												CDCQ 50				
							Lê Thái Sơn									8,9,10	A2.101										CDCQ 50				

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
2	3CK105 CD	3	Cơ sở công nghệ chế tạo máy + BTL(224_3)_01	45	0	LT	Lê Thái Sơn											8,9,10	A2.101					CDCQ 50
							Lê Thái Sơn													8,9,10	A2.101			CDCQ 50
							Lê Thái Sơn															8,9,10	A2.101	CDCQ 50
							Lê Thái Sơn	04/08-10/08/25	1	8,9,10	A2.101													CDCQ 50
							Lê Thái Sơn					8,9,10	A2.101											CDCQ 50
							Lê Thái Sơn							8,9,10	A2.101									CDCQ 50
							Lê Thái Sơn									8,9,10	A2.101							CDCQ 50
							Lê Thái Sơn											8,9,10	A2.101					CDCQ 50
							Lê Thái Sơn													8,9,10	A2.101			CDCQ 50
							Lê Thái Sơn															8,9,10	A2.101	CDCQ 50
							Lê Thái Sơn																	CDCQ 50
3	3CK203 CD	2	Tiện trụ tron, trụ bậc(224_3)_01_TH	25	0	TH	Trần Văn Giang	21/07-03/08/25	2	11,12,1 3,14	X.TIE N1													CDCQ 50
							Trần Văn Giang					11,12,1 3,14	X.TIE N1											CDCQ 50
							Trần Văn Giang							11,12,1 3,14	X.TIE N1									CDCQ 50
							Trần Văn Giang									11,12,1 3,14	X.TIE N1							CDCQ 50
							Trần Văn Giang											11,12,1 3,14	X.TIE N1					CDCQ 50
							Trần Văn Giang													11,12,13,14	X.TIE N1			CDCQ 50
							Trần Văn Giang															11,12,13,14	X.TIE N1	CDCQ 50
							Trần Văn Giang	04/08-10/08/25	1	11,12,1 3,14	X.TIE N1													CDCQ 50
4	3CK102 CD	3	Vẽ kỹ thuật (cơ khí, ô tô)(224_3)_01	45	0	LT	Trần Đình Hiếu	30/06-13/07/25	2	1,2,3	A2.105													CDCQ 50
							Trần Đình Hiếu					1,2,3	A2.105											CDCQ 50
							Trần Đình Hiếu							1,2,3	A2.105									CDCQ 50
							Trần Đình Hiếu									1,2,3	A2.105							CDCQ 50
							Trần Đình Hiếu											1,2,3	A2.105					CDCQ 50

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
							Trần Đình Hiếu	14/07-20/07/25	1											1,2,3	A2.105			CDCQ 50
							Trần Đình Hiếu															1,2,3	A2.105	CDCQ 50
							Trần Đình Hiếu			1,2,3	A2.105													CDCQ 50
1	3CK129 DH	2	CAD/CAM/CNC(224_3)_01	45	0	LT	Hoàng Xuân Lâm	30/06-06/07/25	1	1,2,3	A2.101													DHCQ 17
							Hoàng Xuân Lâm					1,2,3	A2.101											DHCQ 17
							Hoàng Xuân Lâm							1,2,3	A2.101									DHCQ 17
							Hoàng Xuân Lâm									1,2,3	A2.101							DHCQ 17
							Hoàng Xuân Lâm											1,2,3	A2.101					DHCQ 17
							Hoàng Xuân Lâm													1,2,3	A2.101			DHCQ 17
							Hoàng Xuân Lâm															1,2,3	A2.101	DHCQ 17
							Hoàng Xuân Lâm																	DHCQ 17
							Hoàng Xuân Lâm	07/07-13/07/25	1	1,2,3	A2.101													DHCQ 17
							Hoàng Xuân Lâm						1,2,3	A2.101										DHCQ 17
							Hoàng Xuân Lâm																	DHCQ 17
							Hoàng Xuân Lâm							1,2,3	A2.101									DHCQ 17
2	3CK112 DH	2	Cơ lý thuyết(224_3)_01	60	0	LT	Lê Văn Sinh	30/06-13/07/25	2	4,5	A2.101													DHCQ 17
							Lê Văn Sinh						4,5	A2.101										DHCQ 17
							Lê Văn Sinh							4,5	A2.101									DHCQ 17
							Lê Văn Sinh									4,5	A2.101							DHCQ 17
							Lê Văn Sinh											4,5	A2.101					DHCQ 17
							Lê Văn Sinh													4,5	A2.101			DHCQ 17
							Lê Văn Sinh															4,5	A2.101	DHCQ 17
							Lê Văn Sinh	14/07-20/07/25	1	4,5	A2.101													DHCQ 17
3	3CK125 DH	1	Đồ án Công nghệ chế tạo máy(224_3)_01_DA	40	0	DA		30/06-10/08/25	6															DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
4	3CK125 DH	1	Đồ án Công nghệ chế tạo máy(224_3)_02_DA	40	0	DA		30/06-10/08/25	6															DHCQ 16
5	4CK301 DH	1	Đồ án nguyên lý chi tiết máy(224_3)_01_DA	60	0	DA		30/06-10/08/25	6															DHCQ 17
6	3CK117 DH	1	Đồ án Nguyên lý chi tiết máy(224_3)_01_DA	40	0	DA		30/06-10/08/25	6															DHCQ 16
7	3CK103 CD	2	Dung sai lắp ghép và kỹ thuật đo lường(224_3)_01	65	0	LT	Lưu Thủy Chung	28/07-03/08/25	1	1,2,3	A2.104													DHCQ 17
							Lưu Thủy Chung					1,2,3	A2.104											DHCQ 17
							Lưu Thủy Chung							1,2,3	A2.104									DHCQ 17
							Lưu Thủy Chung									1,2,3	A2.104							DHCQ 17
							Lưu Thủy Chung											1,2,3	A2.104					DHCQ 17
							Lưu Thủy Chung													1,2,3	A2.104			DHCQ 17
							Lưu Thủy Chung															1,2,3	A2.104	DHCQ 17
							Lưu Thủy Chung	04/08-10/08/25	1	1,2,3	A2.104													DHCQ 17
8	3CK262 DH	3	Lập trình gia công trên máy CNC nâng cao(224_3)_01_TH	15	0	TH	Nguyễn Khắc Chinh	30/06-20/07/25	3	11,12,13,14	X.CNC 1													DHCQ 16
							Nguyễn Khắc Chinh					11,12,13,14	X.CNC 1											DHCQ 16
							Nguyễn Khắc Chinh							11,12,13,14	X.CNC 1									DHCQ 16
							Nguyễn Khắc Chinh									11,12,13,14	X.CNC 1							DHCQ 16
							Nguyễn Khắc Chinh											11,12,13,14	X.CNC 1					DHCQ 16
							Nguyễn Khắc Chinh															11,12,13,14	X.CNC 1	DHCQ 16
							Nguyễn Khắc Chinh			11,12,13,14	X.CNC 1													DHCQ 16
							Nguyễn Khắc Chinh	21/07-27/07/25	1			11,12	X.CNC 1											DHCQ 16
							Nguyễn Hữu Ngoan			8,9,10	A2.105													DHCQ 17
							Nguyễn Hữu Ngoan					8,9,10	A2.105											DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
9	3CK116 DH	3	Nguyên lý chi tiết máy(224_3)_01	45	0	LT	Nguyễn Hữu Ngoan	30/06-13/07/25	2					8,9,10	A2.105									DHCQ 17
							Nguyễn Hữu Ngoan									8,9,10	A2.105							DHCQ 17
							Nguyễn Hữu Ngoan											8,9,10	A2.105					DHCQ 17
							Nguyễn Hữu Ngoan													8,9,10	A2.105			DHCQ 17
							Nguyễn Hữu Ngoan															8,9,10	A2.105	DHCQ 17
							Nguyễn Hữu Ngoan																	DHCQ 17
10	3CK113 DH	3	Sức bền vật liệu (+Thí nghiệm)(224_3)_01	45	0	LT	Nguyễn Chung	14/07-20/07/25	1			8,9,10	A2.105											DHCQ 17
							Nguyễn Chung							8,9,10	A2.105									DHCQ 17
							Nguyễn Chung									8,9,10	A2.105							DHCQ 17
							Nguyễn Chung											8,9,10	A2.105					DHCQ 17
							Nguyễn Chung													8,9,10	A2.105			DHCQ 17
							Nguyễn Chung															8,9,10	A2.105	DHCQ 17
							Nguyễn Chung	21/07-27/07/25	1	8,9,10	A2.105													DHCQ 17
							Nguyễn Chung					8,9,10	A2.105											DHCQ 17
							Nguyễn Chung							8,9,10	A2.105									DHCQ 17
							Nguyễn Chung									8,9,10	A2.105							DHCQ 17
							Nguyễn Chung											8,9,10	A2.105					DHCQ 17
							Nguyễn Chung															8,9,10	A2.105	DHCQ 17
							Nguyễn Chung	28/07-03/08/25	1	8,9,10	A2.105													DHCQ 17
							Nguyễn Chung					8,9,10	A2.105											DHCQ 17
							Nguyễn Chung																	DHCQ 17
							Ngô Xuân Sơn	21/07-27/07/25	1											11,12,13,14	X.MAI			DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
11	3CK255 DH	2	Thực hành mài(224_3)_01_TH	15	0	TH	Ngô Xuân Sơn															11,12,13,14	X.MAI	DHCQ 16
							Ngô Xuân Sơn	28/07-03/08/25	1	11,12,13,14	X.MAI													DHCQ 16
							Ngô Xuân Sơn					11,12,13,14	X.MAI											DHCQ 16
							Ngô Xuân Sơn							11,12,13,14	X.MAI									DHCQ 16
							Ngô Xuân Sơn									11,12,13,14	X.MAI							DHCQ 16
							Ngô Xuân Sơn											11,12,13,14	X.MAI					DHCQ 16
							Ngô Xuân Sơn													11,12,13,14	X.MAI			DHCQ 16
							Ngô Xuân Sơn															11,12,13,14	X.MAI	DHCQ 16
							Ngô Xuân Sơn																	DHCQ 16
							Ngô Xuân Sơn	04/08-10/08/25	1	11,12,13,14	X.MAI													DHCQ 16
							Ngô Xuân Sơn					11,12,13,14	X.MAI											DHCQ 16
							Ngô Xuân Sơn							11,12,13,14	X.MAI									DHCQ 16
							Ngô Xuân Sơn									11,12,13,14	X.MAI							DHCQ 16
							Ngô Xuân Sơn											11,12,13,14	X.MAI					DHCQ 16
							Ngô Xuân Sơn													11,12,13,14	X.MAI			DHCQ 16
12	3CK101 CD	2	Vật liệu cơ khí(224_3)_01	45	0	LT	Lê VănSinh	30/06-13/07/25	2	6,7	A2.103													DHCQ 17
							Lê VănSinh					6,7	A2.103											DHCQ 17
							Lê VănSinh							6,7	A2.103									DHCQ 17
							Lê VănSinh									6,7	A2.103							DHCQ 17
							Lê VănSinh											6,7	A2.103					DHCQ 17
							Lê VănSinh													6,7	A2.103			DHCQ 17
							Lê VănSinh															6,7	A2.103	DHCQ 17
							Lê VănSinh																	DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
							Lê Văn Sinh	14/07-20/07/25	1	6,7	A2.103													DHCQ 17
13	4CK135 DH	2	Vẽ kỹ thuật(224_3)_01	65	0	LT	Hoàng Hữu Tân	14/07-20/07/25	1			6,7	A2.107											DHCQ 17
							Hoàng Hữu Tân							6,7	A2.107									DHCQ 17
							Hoàng Hữu Tân									6,7	A2.107							DHCQ 17
							Hoàng Hữu Tân											6,7	A2.107					DHCQ 17
							Hoàng Hữu Tân													6,7	A2.107			DHCQ 17
							Hoàng Hữu Tân															6,7	A2.107	DHCQ 17
							Hoàng Hữu Tân	21/07-27/07/25	1	6,7	A2.107													DHCQ 17
							Hoàng Hữu Tân					6,7	A2.107											DHCQ 17
							Hoàng Hữu Tân							6,7	A2.107									DHCQ 17
							Hoàng Hữu Tân									6,7	A2.107							DHCQ 17
							Hoàng Hữu Tân											6,7	A2.107					DHCQ 17
							Hoàng Hữu Tân															6,7	A2.107	DHCQ 17
							Hoàng Hữu Tân	28/07-03/08/25	1	6,7	A2.107													DHCQ 17
							Hoàng Hữu Tân					6,7	A2.107											DHCQ 17
							Hoàng Hữu Tân	14/07-20/07/25	1			4,5	A2.108											DHCQ 17
							Hoàng Hữu Tân							4,5	A2.108									DHCQ 17
							Hoàng Hữu Tân									4,5	A2.108							DHCQ 17
							Hoàng Hữu Tân											4,5	A2.108					DHCQ 17
							Hoàng Hữu Tân													4,5	A2.108			DHCQ 17
							Hoàng Hữu Tân															4,5	A2.108	DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa	
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường		
14	4CK180 DH	2	Về kỹ thuật chuyên ngành cơ khí(224_3)_01	45	0	LT	Hoàng Hữu Tân	21/07-27/07/25	1	4,5	A2.108												DHCQ 17		
							Hoàng Hữu Tân					4,5	A2.108									DHCQ 17			
							Hoàng Hữu Tân						4,5	A2.108								DHCQ 17			
							Hoàng Hữu Tân							4,5	A2.108							DHCQ 17			
							Hoàng Hữu Tân									4,5	A2.108						DHCQ 17		
							Hoàng Hữu Tân										4,5	A2.108					DHCQ 17		
							Hoàng Hữu Tân											4,5	A2.108				DHCQ 17		
							Hoàng Hữu Tân													4,5	A2.108			DHCQ 17	
							Hoàng Hữu Tân	28/07-03/08/25	1														4,5	A2.108	DHCQ 17
							Hoàng Hữu Tân			4,5	A2.108												DHCQ 17		

Đơn vị đảm nhận : Khoa Cơ khí Động lực

Bậc đào tạo : Đại học chính quy

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa						
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học									
1	3DL122 DH	3	Công nghệ bảo dưỡng và sửa chữa ô tô +BTL(224_3)_01	45	0	LT	Nguyễn VănĐại	14/07-20/07/25	1			1,2,3	A2.103										DHCC 16							
							Nguyễn VănĐại							1,2,3	A2.103									DHCQ 16						
							Nguyễn VănĐại								1,2,3	A2.103									DHCQ 16					
							Nguyễn VănĐại									1,2,3	A2.103								DHCC 16					
							Nguyễn VănĐại										1,2,3	A2.103							DHCQ 16					
							Nguyễn VănĐại												1,2,3	A2.103					DHCQ 16					
							Nguyễn VănĐại	21/07-27/07/25	1	1,2,3	A2.103																	DHCC 16		
							Nguyễn VănĐại					1,2,3	A2.103															DHCQ 16		
							Nguyễn VănĐại							1,2,3	A2.103														DHCQ 16	
							Nguyễn VănĐại									1,2,3	A2.103												DHCQ 16	
							Nguyễn VănĐại											1,2,3	A2.103										DHCQ 16	
							Nguyễn VănĐại														1,2,3	A2.103								DHCQ 16
							Nguyễn VănĐại	28/07-03/08/25	1																				DHCC 16	
							Nguyễn VănĐại			1,2,3	A2.103																		DHCQ 16	
							Nguyễn Thanh Bình	21/07-27/07/25	1											1,2,3	A2.102				DHCC 16					
							Nguyễn Thanh Bình																	1,2,3	A2.102				DHCQ 16	
							Nguyễn Thanh Bình	28/07-03/08/25	1	1,2,3	A2.102																		DHCQ 16	
							Nguyễn Thanh Bình					1,2,3	A2.102																DHCQ 16	
							Nguyễn Thanh Bình								1,2,3	A2.102														DHCQ 16
							Nguyễn Thanh Bình										1,2,3	A2.102												DHCQ 16
							Nguyễn Thanh Bình										1,2,3	A2.102											DHCQ 16	

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa	
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học				
2	3DL141 DH	3	Công nghệ gia công chi tiết và lắp ráp(224_3)_01	45	0	LT	Nguyễn Thanh Bình		1									1,2,3	A2.102					DHCQ 16	
							Nguyễn Thanh Bình												1,2,3	A2.102			DHCQ 16		
							Nguyễn Thanh Bình														1,2,3	A2.102	DHCQ 16		
							Nguyễn Thanh Bình			1,2,3	A2.102											DHCQ 16			
							Nguyễn Thanh Bình					1,2,3	A2.102									DHCQ 16			
							Nguyễn Thanh Bình							1,2,3	A2.102							DHCQ 16			
							Nguyễn Thanh Bình									1,2,3	A2.102					DHCQ 16			
							Nguyễn Thanh Bình											1,2,3	A2.102			DHCQ 16			
							Nguyễn Thanh Bình													1,2,3	A2.102			DHCQ 16	
3	3DL347 DC	1	Đồ án Công nghệ sửa chữa thiết bị cơ khí(224_3)_01_DA	10	0	DA		30/06-10/08/25	6														DHCQ 17		
4	3DL113 DH	1	Đồ án động cơ đốt trong(224_3)_01_DA	40	0	DA		30/06-10/08/25	6															DHCQ 16	
5	3DL313 DH	1	Đồ án động cơ đốt trong(224_3)_02_DA	40	0	DA		30/06-10/08/25	6															DHCQ 16	
6	3DL117 DH	1	Đồ án kết cấu tính toán ô tô(224_3)_01_DA	40	0	DA		30/06-10/08/25	6															DHCQ 16	
7	3DL317 DH	1	Đồ án kết cấu tính toán ô tô(224_3)_02_DA	40	0	DA		30/06-10/08/25	6															DHCQ 17	
8	3DL343 DH	1	Đồ án Máy công cụ(224_3)_01_DA	40	0	DA		30/06-10/08/25	6																DHCQ 17
							Nguyễn VănĐại	14/07-20/07/25	1			4,5	A2.103												DHCQ 16
							Nguyễn VănĐại							4,5	A2.103									DHCQ 16	
							Nguyễn VănĐại									4,5	A2.103								DHCQ 16
							Nguyễn VănĐại										4,5	A2.103							DHCQ 16
							Nguyễn VănĐại												4,5	A2.103					DHCQ 16
							Nguyễn VănĐại														4,5	A2.103			
							Nguyễn VănĐại														4,5	A2.103			DHCQ 16
									4,5	A2.103									DHCQ 16						

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
9	3DL118 DH	2	Hệ thống điện động cơ(224_3)_01	45	0	LT	Nguyễn VănĐại	21/07-27/07/25	1			4,5	A2.103											DHCQ 16
							Nguyễn VănĐại							4,5	A2.103									DHCQ 16
							Nguyễn VănĐại									4,5	A2.103							DHCQ 16
							Nguyễn VănĐại											4,5	A2.103					DHCQ 16
							Nguyễn VănĐại													4,5	A2.103			DHCQ 16
							Nguyễn VănĐại															4,5	A2.103	DHCQ 16
							Nguyễn VănĐại	28/07-03/08/25	1	4,5	A2.103													DHCQ 16
							Nguyễn VănĐại					4,5	A2.103											DHCQ 16
10	3DL111 DH	3	Kết cấu động cơ đốt trong(224_3)_01	45	0	LT	Nguyễn Hữu Chinh	30/06-13/07/25	2	8,9,10	A2.101													DHCQ 16
							Nguyễn Hữu Chinh					8,9,10	A2.101											DHCQ 16
							Nguyễn Hữu Chinh							8,9,10	A2.101									DHCQ 16
							Nguyễn Hữu Chinh									8,9,10	A2.101							DHCQ 16
							Nguyễn Hữu Chinh									8,9,10	A2.101							DHCQ 16
							Nguyễn Hữu Chinh											8,9,10	A2.101					DHCQ 16
							Nguyễn Hữu Chinh													8,9,10	A2.101			DHCQ 16
							Nguyễn Hữu Chinh	14/07-20/07/25	1	8,9,10	A2.101													DHCQ 16
11	3DL114 DH	3	Lý thuyết ô tô(224_3)_01	45	0	LT	Đương Xuân Mỹ	30/06-13/07/25	2	1,2,3	A2.103													DHCQ 16
							Đương Xuân Mỹ					1,2,3	A2.103											DHCQ 16
							Đương Xuân Mỹ							1,2,3	A2.103									DHCQ 16
							Đương Xuân Mỹ									1,2,3	A2.103							DHCQ 16
							Đương Xuân Mỹ											1,2,3	A2.103					DHCQ 16
							Đương Xuân Mỹ											1,2,3	A2.103					DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
							Dương Xuân Mỹ															1,2,3	A2.103	DHCQ 16
							Dương Xuân Mỹ	14/07-20/07/25	1	1,2,3	A2.103													DHCQ 16
12	3DL126 DH	2	Ô tô sử dụng năng lượng mới(224_3)_01	45	0	LT	Nguyễn Hữu Chinh	30/06-13/07/25	2	6,7	A2.102													DHCQ 16
							Nguyễn Hữu Chinh					6,7	A2.102											DHCQ 16
							Nguyễn Hữu Chinh							6,7	A2.102									DHCQ 16
							Nguyễn Hữu Chinh									6,7	A2.102							DHCQ 16
							Nguyễn Hữu Chinh											6,7	A2.102					DHCQ 16
							Nguyễn Hữu Chinh													6,7	A2.102			DHCQ 16
							Nguyễn Hữu Chinh															6,7	A2.102	DHCQ 16
							Nguyễn Hữu Chinh	14/07-20/07/25	1	6,7	A2.102													DHCQ 16
13	3DL112 DH	2	Tính toán động cơ đốt trong(224_3)_01	45	0	LT	Dương Xuân Mỹ	30/06-13/07/25	2	4,5	A2.102													DHCQ 16
							Dương Xuân Mỹ					4,5	A2.102											DHCQ 16
							Dương Xuân Mỹ							4,5	A2.102									DHCQ 16
							Dương Xuân Mỹ									4,5	A2.102							DHCQ 16
							Dương Xuân Mỹ											4,5	A2.102					DHCQ 16
							Dương Xuân Mỹ													4,5	A2.102			DHCQ 16
							Dương Xuân Mỹ															4,5	A2.102	DHCQ 16
							Dương Xuân Mỹ	14/07-20/07/25	1	4,5	A2.102													DHCQ 16

Đơn vị đảm nhận : Khoa Điện - Điện tử

Bậc đào tạo : Đại học chính quy

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
1	3DN103 CD	2	Cung cấp điện(224_3)_01	45	0	LT	Nguyễn Thị Thanh Ngân	21/07-27/07/25	1											4,5	A2.102			DHCQ 17
							Nguyễn Thị Thanh Ngân															4,5	A2.102	DHCQ 17
							Nguyễn Thị Thanh Ngân	28/07-03/08/25	1	4,5	A2.102													DHCQ 17
							Nguyễn Thị Thanh Ngân					4,5	A2.102											DHCQ 17
							Nguyễn Thị Thanh Ngân							4,5	A2.102									DHCQ 17
							Nguyễn Thị Thanh Ngân									4,5	A2.102							DHCQ 17
							Nguyễn Thị Thanh Ngân										4,5	A2.102						DHCQ 17
							Nguyễn Thị Thanh Ngân											4,5	A2.102					DHCQ 17
							Nguyễn Thị Thanh Ngân															4,5	A2.102	DHCQ 17
							Nguyễn Thị Thanh Ngân																	DHCQ 17
							Nguyễn Thị Thanh Ngân	04/08-10/08/25	1	4,5	A2.102													DHCQ 17
							Nguyễn Thị Thanh Ngân					4,5	A2.102											DHCQ 17
							Nguyễn Thị Thanh Ngân							4,5	A2.102									DHCQ 17
							Nguyễn Thị Thanh Ngân									4,5	A2.102							DHCQ 17
							Nguyễn Thị Thanh Ngân										4,5	A2.102						DHCQ 17
							Nguyễn Thị Thanh Ngân											4,5	A2.102					DHCQ 17
2	3DN114 DH	2	Điều khiển mờ và mạng noron(224_3)_01	45	0	LT	Nguyễn Anh Tuấn	30/06-06/07/25	1	1,2,3	A2.102													DHCQ 17
							Nguyễn Anh Tuấn					1,2,3	A2.102											DHCQ 17
							Nguyễn Anh Tuấn							1,2,3	A2.102									DHCQ 17
							Nguyễn Anh Tuấn									1,2,3	A2.102							DHCQ 17
							Nguyễn Anh Tuấn											1,2,3	A2.102					DHCQ 17
							Nguyễn Anh Tuấn													1,2,3	A2.102			DHCQ 17
							Nguyễn Anh Tuấn																	DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
							Nguyễn Anh Tuấn															1,2,3	A2.102	DHCQ 17
							Nguyễn Anh Tuấn	07/07-13/07/25	1	1,2,3	A2.102													DHCQ 17
							Nguyễn Anh Tuấn					1,2,3	A2.102											DHCQ 17
							Nguyễn Anh Tuấn							1,2,3	A2.102									DHCQ 17
							Nguyễn Anh Tuấn																	DHCQ 17
3	4DN320 DH	1	Đồ án cung cấp điện(224_3)_01_DA	40	0	DA		30/06-10/08/25	6															DHCQ 17
4	3DN220 DH	1	Đồ án Cung cấp điện(224_3)_01_DA	40	0	DA		30/06-10/08/25	6															DHCQ 16
5	3DN219 DH	1	Đồ án Nhà máy điện và trạm biến áp(224_3)_01_DA	40	0	DA		30/06-10/08/25	6															DHCQ 16
6	3DN211 DH	1	Đồ án Thiết kế hệ thống điều khiển và tự động hóa(224_3)_01_DA	40	0	DA		30/06-10/08/25	6															DHCQ 16
7	3DN221 DH	1	Đồ án thiết kế hệ thống truyền động điện(224_3)_01_DA	40	0	DA		30/06-10/08/25	6															DHCQ 16
8	3DN217 DH	1	Đồ án Trang bị điện(224_3)_01_DA	70	0	DA		30/06-10/08/25	6															DHCQ 16
9	3DN138 DH	2	Hệ thống sản xuất tự động hóa tích hợp máy tính(224_3)_01	20	0	LT	Nguyễn Khắc Tuấn	07/07-13/07/25	1							1,2,3	A2.104							DHCQ 16
							Nguyễn Khắc Tuấn											1,2,3	A2.104					DHCQ 16
							Nguyễn Khắc Tuấn													1,2,3	A2.104			DHCQ 16
							Nguyễn Khắc Tuấn															1,2,3	A2.104	DHCQ 16
							Nguyễn Khắc Tuấn	14/07-20/07/25	1	1,2,3	A2.104													DHCQ 16
							Nguyễn Khắc Tuấn					1,2,3	A2.104											DHCQ 16
							Nguyễn Khắc Tuấn							1,2,3	A2.104									DHCQ 16
							Nguyễn Khắc Tuấn									1,2,3	A2.104							DHCQ 16
							Nguyễn Khắc Tuấn											1,2,3	A2.104					DHCQ 16
							Nguyễn Khắc Tuấn													1,2,3	A2.104			DHCQ 16
							Ngô Thị Lê			1,2,3	A2.107													DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
10	3DN111 DH	2	Kỹ thuật biến đổi điện năng (+ Thí nghiệm)(224_3)_01	65	0	LT	Ngô ThịLê	21/07-27/07/25	1			1,2,3	A2.107											DHCQ 16
							Ngô ThịLê							1,2,3	A2.107									DHCQ 16
							Ngô ThịLê									1,2,3	A2.107							DHCQ 16
							Ngô ThịLê											1,2,3	A2.107					DHCQ 16
							Ngô ThịLê													1,2,3	A2.107			DHCQ 16
							Ngô ThịLê															1,2,3	A2.107	DHCQ 16
							Ngô ThịLê	28/07-03/08/25	1	1,2,3	A2.107													DHCQ 16
							Ngô ThịLê					1,2,3	A2.107											DHCQ 16
							Ngô ThịLê							1,2,3	A2.107									DHCQ 16
11	4DN150 DH	2	Kỹ thuật đo lường và cảm biến(224_3)_01	45	0	LT	Nguyễn Thị Thanh Bình	28/07-03/08/25	1							1,2,3	A2.101							DHCQ 17
							Nguyễn Thị Thanh Bình											1,2,3	A2.101					DHCQ 17
							Nguyễn Thị Thanh Bình													1,2,3	A2.101			DHCQ 17
							Nguyễn Thị Thanh Bình															1,2,3	A2.101	DHCQ 17
							Nguyễn Thị Thanh Bình	04/08-10/08/25	1	1,2,3	A2.101													DHCQ 17
							Nguyễn Thị Thanh Bình					1,2,3	A2.101											DHCQ 17
							Nguyễn Thị Thanh Bình							1,2,3	A2.101									DHCQ 17
							Nguyễn Thị Thanh Bình									1,2,3	A2.101							DHCQ 17
							Nguyễn Thị Thanh Bình											1,2,3	A2.101					DHCQ 17
							Nguyễn Thị Thanh Bình													1,2,3	A2.101			DHCQ 17
							Nguyễn Văn Minh			11,12,13,14	A3-210													DHCQ 17
							Nguyễn Văn Minh					11,12,13,14	A3-210											DHCQ 17
							Nguyễn Văn Minh							11,12,13,14	A3-210									DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
12	3DN207 CD	2	Lắp đặt mạch điện các bộ biến đổi điện năng(224_3)_01_TH	25	0	TH	Nguyễn Văn Minh	21/07-03/08/25	2							11,12,13,14	A3-210							DHCQ 17
							Nguyễn Văn Minh											11,12,13,14	A3-210					DHCQ 17
							Nguyễn Văn Minh													11,12,13,14	A3-210			DHCQ 17
							Nguyễn Văn Minh															11,12,13,14	A3-210	DHCQ 17
							Nguyễn Văn Minh	04/08-10/08/25	1	11,12,13,14	A3-210													DHCQ 17
13	3DN211 CD	2	Lắp đặt thiết bị tự động hóa(224_3)_01_TH	27	0	TH	Trần Nguyễn Bảo Ninh	30/06-13/07/25	2	11,12,13,14	A3-112													DHCQ 17
							Trần Nguyễn Bảo Ninh					11,12,13,14	A3-112											DHCQ 17
							Trần Nguyễn Bảo Ninh							11,12,13,14	A3-112									DHCQ 17
							Trần Nguyễn Bảo Ninh									11,12,13,14	A3-112							DHCQ 17
							Trần Nguyễn Bảo Ninh										11,12,13,14	A3-112						DHCQ 17
							Trần Nguyễn Bảo Ninh												11,12,13,14	A3-112				DHCQ 17
							Trần Nguyễn Bảo Ninh														11,12,13,14	A3-112		DHCQ 17
							Trần Nguyễn Bảo Ninh	14/07-20/07/25	1	11,12,13,14	A3-112													DHCQ 17
14	3DN217 CD	2	Lập trình PLC nâng cao(224_3)_01_TH	27	0	TH	Nguyễn Thanh Long	21/07-03/08/25	2	11,12,13,14	A3-308													DHCQ 17
							Nguyễn Thanh Long					11,12,13,14	A3-308											DHCQ 17
							Nguyễn Thanh Long							11,12,13,14	A3-308									DHCQ 17
							Nguyễn Thanh Long									11,12,13,14	A3-308							DHCQ 17
							Nguyễn Thanh Long										11,12,13,14	A3-308						DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
							Nguyễn Thanh Long													11,12,13,14	A3-308			DHCQ 17
							Nguyễn Thanh Long															11,12,13,14	A3-308	DHCQ 17
							Nguyễn Thanh Long	04/08-10/08/25	1	11,12,13,14	A3-308													DHCQ 17
15	3DN141 DH	2	Lý thuyết điều khiển tự động (+ Bài tập dài)(224_3)_01	45	0	LT	Bùi ThanhHòa	14/07-20/07/25	1			8,9,10	A2.101											DHCQ 17
							Bùi ThanhHòa							8,9,10	A2.101									DHCQ 17
							Bùi ThanhHòa									8,9,10	A2.101							DHCQ 17
							Bùi ThanhHòa											8,9,10	A2.101					DHCQ 17
							Bùi ThanhHòa													8,9,10	A2.101			DHCQ 17
							Bùi ThanhHòa															8,9,10	A2.101	DHCQ 17
							Bùi ThanhHòa	21/07-27/07/25	1	8,9,10	A2.101													DHCQ 17
							Bùi ThanhHòa					8,9,10	A2.101											DHCQ 17
							Bùi ThanhHòa							8,9,10	A2.101									DHCQ 17
							Bùi ThanhHòa									8,9,10	A2.101							DHCQ 17
16	3DN101 DH	2	Lý thuyết mạch điện 1 (+ Thí nghiệm)(224_3)_01	45	0	LT	Võ Tiến Dũng	30/06-13/07/25	2	6,7	A2.101													DHCQ 16
							Võ Tiến Dũng					6,7	A2.101											DHCQ 16
							Võ Tiến Dũng							6,7	A2.101									DHCQ 16
							Võ Tiến Dũng									6,7	A2.101							DHCQ 16
							Võ Tiến Dũng											6,7	A2.101					DHCQ 16
							Võ Tiến Dũng													6,7	A2.101			DHCQ 16
							Võ Tiến Dũng															6,7	A2.101	DHCQ 16
							Võ Tiến Dũng																	DHCQ 16
							Võ Tiến Dũng	14/07-20/07/25	1	6,7	A2.101													DHCQ 16
							Phạm Văn Tuấn			8,9,10	A2.104													DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
17	3DN105 DH	3	Máy điện và Khí cụ điện (+ Thí nghiệm)(224_3)_01	45	0	LT	Phạm Văn Tuấn	21/07-03/08/25	2			8,9,10	A2.104											DHCQ 16
							Phạm Văn Tuấn							8,9,10	A2.104									DHCQ 16
							Phạm Văn Tuấn									8,9,10	A2.104							DHCQ 16
							Phạm Văn Tuấn											8,9,10	A2.104					DHCQ 16
							Phạm Văn Tuấn													8,9,10	A2.104			DHCQ 16
							Phạm Văn Tuấn															8,9,10	A2.104	DHCQ 16
							Phạm Văn Tuấn	04/08-10/08/25	1	8,9,10	A2.104													DHCQ 16
1	3DN107 DH	2	Trường điện từ(224_3)_01	45	0	LT	Đặng Quang Khoa	21/07-03/08/25	2	6,7	A2.108													DHCQ 17
							Đặng Quang Khoa					6,7	A2.108											DHCQ 17
							Đặng Quang Khoa							6,7	A2.108									DHCQ 17
							Đặng Quang Khoa									6,7	A2.108							DHCQ 17
							Đặng Quang Khoa											6,7	A2.108					DHCQ 17
							Đặng Quang Khoa													6,7	A2.108			DHCQ 17
							Đặng Quang Khoa															6,7	A2.108	DHCQ 17
							Đặng Quang Khoa	04/08-10/08/25	1	6,7	A2.108													DHCQ 17
19	4DN135 DH	3	Truyền động điện tự động(224_3)_01	45	0	LT	Nguyễn Minh Thư	30/06-13/07/25	2	8,9,10	A2.104													DHCQ 17
							Nguyễn Minh Thư					8,9,10	A2.104											DHCQ 17
							Nguyễn Minh Thư							8,9,10	A2.104									DHCQ 17
							Nguyễn Minh Thư									8,9,10	A2.104							DHCQ 17
							Nguyễn Minh Thư											8,9,10	A2.104					DHCQ 17
							Nguyễn Minh Thư													8,9,10	A2.104			DHCQ 17
							Nguyễn Minh Thư															8,9,10	A2.104	DHCQ 17
							Nguyễn Minh Thư																	DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
							Nguyễn Minh Thư	14/07-20/07/25	1	8,9,10	A2.104													DHCQ 17

Đơn vị đảm nhận : Khoa Điện - Điện tử

Bậc đào tạo : Đại học chính quy

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
1	3DT220 CD	2	Thiết kế, lắp đặt hệ thống IOT(224_3)_01_TH	25	0	TH	Lê Thị Linh	21/07-27/07/25	1											6,7,8,9	A3.405			DHCQ 17
							Lê Thị Linh															6,7,8,9	A3.405	DHCQ 17
							Lê Thị Linh	28/07-03/08/25	1	6,7,8,9	A3.405													DHCQ 17
							Lê Thị Linh					6,7,8,9	A3.405											DHCQ 17
							Lê Thị Linh							6,7,8,9	A3.405									DHCQ 17
							Lê Thị Linh									6,7,8,9	A3.405							DHCQ 17
							Lê Thị Linh											6,7,8,9	A3.405					DHCQ 17
							Lê Thị Linh													6,7,8,9	A3.405			DHCQ 17
							Lê Thị Linh	04/08-10/08/25	1													6,7,8,9	A3.405	DHCQ 17
							Lê Thị Linh															6,7,8,9	A3.405	DHCQ 17
							Lê Thị Linh			6,7,8,9	A3.405													DHCQ 17
							Lê Thị Linh					6,7,8,9	A3.405											DHCQ 17
							Lê Thị Linh							6,7,8,9	A3.405									DHCQ 17
							Lê Thị Linh									6,7,8,9	A3.405							DHCQ 17
							Lê Thị Linh											6,7,8,9	A3.405					DHCQ 17
							Lê Thị Linh													6,7,8,9	A3.405			DHCQ 17

Đơn vị đảm nhận : Khoa Công nghệ Thông tin

Bậc đào tạo : Đại học chính quy

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
1	4TN302 DH	1	Đồ án phát triển ứng dụng di động(224_3)_01_DA	40	0	DA		30/06-10/08/25	6															DHCQ 17
2	4TN301 DH	1	Đồ án phát triển ứng dụng Web(224_3)_01_DA	40	0	DA		30/06-10/08/25	6															DHCQ 17
3	4TN003 CD	2	Java cơ bản(224_3)_01	45	0	LT	Võ Thị Kim Hoa	21/07-03/08/25	2	4,5	A2.104													DHCQ 17
							Võ Thị Kim Hoa					4,5	A2.104											DHCQ 17
							Võ Thị Kim Hoa							4,5	A2.104									DHCQ 17
							Võ Thị Kim Hoa									4,5	A2.104							DHCQ 17
							Võ Thị Kim Hoa										4,5	A2.104						DHCQ 17
							Võ Thị Kim Hoa											4,5	A2.104					DHCQ 17
							Võ Thị Kim Hoa													4,5	A2.104			DHCQ 17
							Võ Thị Kim Hoa	04/08-10/08/25	1	4,5	A2.104													DHCQ 17
4	4TN103 CD	2	Lập trình C/C++(224_3)_01	45	0	LT	Phạm T.Thanh Bình	28/07-03/08/25	1	1,2,3	A2.108													DHCQ 17
							Phạm T.Thanh Bình					1,2,3	A2.108											DHCQ 17
							Phạm T.Thanh Bình							1,2,3	A2.108									DHCQ 17
							Phạm T.Thanh Bình									1,2,3	A2.108							DHCQ 17
							Phạm T.Thanh Bình										1,2,3	A2.108						DHCQ 17
							Phạm T.Thanh Bình												1,2,3	A2.108				DHCQ 17
							Phạm T.Thanh Bình														1,2,3	A2.108		DHCQ 17
							Phạm T.Thanh Bình	04/08-10/08/25	1	1,2,3	A2.108													DHCQ 17
							Phạm T.Thanh Bình					1,2,3	A2.108											DHCQ 17
							Phạm T.Thanh Bình							1,2,3	A2.108									DHCQ 17
							Nguyễn Thị Lan Anh			1,2,3	A2.204													DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
5	3TN105 CD	2	Phân tích thiết kế hệ thống với UML(224_3)_01	20	0	LT	Nguyễn Thị Lan Anh	21/07-27/07/25	1			1,2,3	A2.204											DHCQ 17
							Nguyễn Thị Lan Anh							1,2,3	A2.204									DHCQ 17
							Nguyễn Thị Lan Anh									1,2,3	A2.204							DHCQ 17
							Nguyễn Thị Lan Anh											1,2,3	A2.204					DHCQ 17
							Nguyễn Thị Lan Anh													1,2,3	A2.204			DHCQ 17
							Nguyễn Thị Lan Anh															1,2,3	A2.204	DHCQ 17
							Nguyễn Thị Lan Anh	28/07-03/08/25	1	1,2,3	A2.204													DHCQ 17
							Nguyễn Thị Lan Anh					1,2,3	A2.204											DHCQ 17
							Nguyễn Thị Lan Anh							1,2,3	A2.204									DHCQ 17
							Trần Bình Giang	30/06-06/07/25	1	11,12,13,14	A3.306													DHCQ 17
							Trần Bình Giang			1,2,3,4	A3.306													DHCQ 17
							Trần Bình Giang					1,2,3,4	A3.306											DHCQ 17
							Trần Bình Giang					11,12,13,14	A3.306											DHCQ 17
							Trần Bình Giang							1,2,3,4	A3.306									DHCQ 17
							Trần Bình Giang							11,12,13,14	A3.306									DHCQ 17
							Trần Bình Giang									1,2,3,4	A3.306							DHCQ 17
							Trần Bình Giang											1,2,3,4	A3.306					DHCQ 17
							Trần Bình Giang													11,12,13,14	A3.306			DHCQ 17
							Trần Bình Giang													1,2,3,4	A3.306			DHCQ 17
							Trần Bình Giang															11,12,13,14	A3.306	DHCQ 17
							Trần Bình Giang																	DHCQ 17
							Trần Bình Giang																	DHCQ 17

[illegible]

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
							Nguyễn Thị Phương Thủy													11,12,13,14	A3.304			DHCQ 17
8	4TN305 DH	3	Tin học cơ bản(224_3)_01	65	0	LT	Trần Thị Hằng	28/07-03/08/25	1	11,12,13,14	A2.108													DHCQ 17
							Trần Thị Hằng					11,12,13,14	A2.108											DHCQ 17
							Trần Thị Hằng							11,12,13,14	A2.108									DHCQ 17
							Trần Thị Hằng									11,12,13,14	A2.108							DHCQ 17
							Trần Thị Hằng											11,12,13,14	A2.108					DHCQ 17
							Trần Thị Hằng													11,12,13,14	A2.108			DHCQ 17
							Trần Thị Hằng	04/08-10/08/25	1													11,12,13,14	A2.108	DHCQ 17
							Trần Thị Hằng			11,12,13,14	A2.108													DHCQ 17
							Trần Thị Hằng					11,12,13,14	A2.108											DHCQ 17
							Trần Thị Hằng							11,12,13,14	A2.108									DHCQ 17
							Trần Thị Hằng									11,12,13	A2.108							DHCQ 17
							Trần Thị Hằng											11,12	A2.108					DHCQ 17

Đơn vị đảm nhận : Khoa Kinh tế

Bậc đào tạo : Đại học chính quy

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
1	2KT001 DC	2	Nhập môn quản trị học(224_3)_01	45	0	LT	Trần Minh Đức	30/06-06/07/25	1	8,9,10	A2.103													DHCQ 16
							Trần Minh Đức					8,9,10	A2.103											DHCQ 16
							Trần Minh Đức							8,9,10	A2.103									DHCQ 16
							Trần Minh Đức									8,9,10	A2.103							DHCQ 16
							Trần Minh Đức											8,9,10	A2.103					DHCQ 16
							Trần Minh Đức													8,9,10	A2.103			DHCQ 16
							Trần Minh Đức															8,9,10	A2.103	DHCQ 16
							Trần Minh Đức	07/07-13/07/25	1	8,9,10	A2.103													DHCQ 16
							Trần Minh Đức					8,9,10	A2.103											DHCQ 16
							Trần Minh Đức							8,9,10	A2.103									DHCQ 16

Đơn vị đảm nhận : Khoa Sư phạm

Bậc đào tạo : Đại học chính quy

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
1	4SP103 DC	3	Kỹ năng mềm(224_3)_01	60	0	LT	Phan Thị Tâm	14/07-20/07/25	1			1,2,3	A2.106											DHCQ 17
							Phan Thị Tâm							1,2,3	A2.106									DHCQ 17
							Phan Thị Tâm									1,2,3	A2.106							DHCQ 17
							Phan Thị Tâm											1,2,3	A2.106					DHCQ 17
							Phan Thị Tâm													1,2,3	A2.106			DHCQ 17
							Phan Thị Tâm															1,2,3	A2.106	DHCQ 17
							Phan Thị Tâm	21/07-27/07/25	1	1,2,3	A2.106													DHCQ 17
							Cao Thị Thảo					1,2,3	A2.106											DHCQ 17
							Cao Thị Thảo							1,2,3	A2.106									DHCQ 17
							Cao Thị Thảo									1,2,3	A2.106							DHCQ 17
							Cao Thị Thảo											1,2,3	A2.106					DHCQ 17
							Cao Thị Thảo													1,2,3	A2.106			DHCQ 17
							Cao Thị Thảo	28/07-03/08/25	1	1,2,3	A2.106													DHCQ 17
							Cao Thị Thảo					1,2,3	A2.106											DHCQ 17
							Lê Trọng Phong	21/07-27/07/25	1											6,7	A2.105			DHCQ 17
							Lê Trọng Phong															6,7	A2.105	DHCQ 17
							Lê Trọng Phong	28/07-03/08/25	1	6,7	A2.105													DHCQ 17
							Lê Trọng Phong					6,7	A2.105											DHCQ 17
							Lê Trọng Phong							6,7	A2.105									DHCQ 17
							Lê Trọng Phong									6,7	A2.105							DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
2	4SP041 DC	2	Phương pháp luận NCKH(224_3)_01	45	0	LT	Lê Trọng Phong											6,7	A2.105					DHCQ 17
							Lê Trọng Phong													6,7	A2.105			DHCQ 17
							Lê Trọng Phong															6,7	A2.105	DHCQ 17
							Lê Trọng Phong	04/08-10/08/25	1	6,7	A2.105													DHCQ 17
							Lê Trọng Phong					6,7	A2.105											DHCQ 17
							Lê Trọng Phong							6,7	A2.105									DHCQ 17
							Lê Trọng Phong									6,7	A2.105							DHCQ 17
							Lê Trọng Phong											6,7	A2.105					DHCQ 17
							Lê Trọng Phong													6,7	A2.105			DHCQ 17
							Lê Trọng Phong													6,7	A2.105			DHCQ 17

Đơn vị đảm nhận : Khoa Lý luận Chính trị

Bậc đào tạo : Đại học chính quy

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
1	4ML001 DC	5	Giáo dục chính trị(224_3)_01	65	0	LT	Phạm Thị Bích Ngọc	30/06-13/07/25	2	11,12,13,14	A2.105													CDCQ 50
							Phạm Thị Bích Ngọc					11,12,13,14	A2.105											CDCQ 50
							Phạm Thị Bích Ngọc							11,12,13,14	A2.105									CDCQ 50
							Phạm Thị Bích Ngọc									11,12,13,14	A2.105							CDCQ 50
							Phạm Thị Bích Ngọc											11,12,13,14	A2.105					CDCQ 50
							Phạm Thị Bích Ngọc													11,12,13,14	A2.105			CDCQ 50
							Phạm Thị Bích Ngọc	14/07-20/07/25	1													11,12,13,14	A2.105	CDCQ 50
							Phạm Thị Bích Ngọc			11,12,13,14	A2.105													CDCQ 50
							Phạm Thị Bích Ngọc					11,12,13,14	A2.105											CDCQ 50
							Phạm Thị Bích Ngọc							11,12,13,14	A2.105									CDCQ 50
							Phạm Thị Bích Ngọc									11,12,13	A2.105							CDCQ 50
							Phạm Thị Bích Ngọc																	CDCQ 50
2	3ML004 DC	2	Pháp luật(224_3)_01	65	0	LT	Lê Việt Hà	21/07-03/08/25	2	6,7	A2.104													CDCQ 50
							Lê Việt Hà					6,7	A2.104											CDCQ 50
							Lê Việt Hà							6,7	A2.104									CDCQ 50
							Lê Việt Hà									6,7	A2.104							CDCQ 50
							Lê Việt Hà											6,7	A2.104					CDCQ 50
							Lê Việt Hà													6,7	A2.104			CDCQ 50
							Lê Việt Hà															6,7	A2.104	CDCQ 50
							Lê Việt Hà	04/08-10/08/25	1	6,7	A2.104													CDCQ 50
							Lê Thị Ngọc Hà					1,2,3	A2.101											DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
1	3ML005 DC	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học(224_3)_01	60	0	LT	Lê Thị Ngọc Hà	14/07-20/07/25	1					1,2,3	A2.101									DHCQ 17
							Lê Thị Ngọc Hà									1,2,3	A2.101							DHCQ 17
							Lê Thị Ngọc Hà											1,2,3	A2.101					DHCQ 17
							Lê Thị Ngọc Hà													1,2,3	A2.101			DHCQ 17
							Lê Thị Ngọc Hà															1,2,3	A2.101	DHCQ 17
							Lê Thị Ngọc Hà	21/07-27/07/25	1	1,2,3	A2.101													DHCQ 17
							Lê Thị Ngọc Hà					1,2,3	A2.101											DHCQ 17
							Lê Thị Ngọc Hà							1,2,3	A2.101									DHCQ 17
							Lê Thị Ngọc Hà									1,2,3	A2.101							DHCQ 17
2	3ML008 DC	2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin(224_3)_01	60	0	LT	Vũ Thị Kim Thanh	14/07-20/07/25	1			6,7	A2.103											DHCQ 17
							Vũ Thị Kim Thanh							6,7	A2.103									DHCQ 17
							Vũ Thị Kim Thanh									6,7	A2.103							DHCQ 17
							Vũ Thị Kim Thanh										6,7	A2.103						DHCQ 17
							Vũ Thị Kim Thanh											6,7	A2.103					DHCQ 17
							Vũ Thị Kim Thanh													6,7	A2.103			DHCQ 17
							Vũ Thị Kim Thanh	21/07-27/07/25	1	6,7	A2.103													DHCQ 17
							Vũ Thị Kim Thanh					6,7	A2.103											DHCQ 17
							Vũ Thị Kim Thanh							6,7	A2.103									DHCQ 17
							Vũ Thị Kim Thanh									6,7	A2.103							DHCQ 17
							Vũ Thị Kim Thanh										6,7	A2.103						DHCQ 17
							Vũ Thị Kim Thanh											6,7	A2.103					DHCQ 17
							Vũ Thị Kim Thanh													6,7	A2.103			DHCQ 17
							Vũ Thị Kim Thanh														6,7	A2.103		DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa			
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học						
							Vũ Thị Kim Thanh	28/07-03/08/25	1	6,7	A2.103												DHCQ 17				
						Vũ Thị Kim Thanh					6,7	A2.103												DHCQ 17			
3	3ML006 DC	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam(224_3)_01	60	0	LT	Nguyễn Thị AnhĐào	14/07-20/07/25	1			4,5	A2.106										DHCQ 17				
							Nguyễn Thị AnhĐào						4,5	A2.106									DHCQ 17				
							Nguyễn Thị AnhĐào							4,5	A2.106								DHCQ 17				
							Nguyễn Thị AnhĐào								4,5	A2.106							DHCQ 17				
							Nguyễn Thị AnhĐào									4,5	A2.106						DHCQ 17				
							Nguyễn Thị AnhĐào									4,5	A2.106						DHCQ 17				
							Nguyễn Thị AnhĐào										4,5	A2.106						DHCQ 17			
							Nguyễn Thị AnhĐào	21/07-27/07/25	1	4,5	A2.106																DHCQ 17
							Nguyễn Thị AnhĐào					4,5	A2.106												DHCQ 17		
							Nguyễn Thị AnhĐào							4,5	A2.106										DHCQ 17		
							Nguyễn Thị AnhĐào								4,5	A2.106									DHCQ 17		
							Nguyễn Thị AnhĐào									4,5	A2.106								DHCQ 17		
							Nguyễn Thị AnhĐào										4,5	A2.106							DHCQ 17		
							Nguyễn Thị AnhĐào											4,5	A2.106							DHCQ 17	
							Nguyễn Thị AnhĐào	28/07-03/08/25	1	4,5	A2.106																DHCQ 17
							Nguyễn Thị AnhĐào					4,5	A2.106													DHCQ 17	
														Đinh Nga Phượng	14/07-20/07/25	1			4,5	A2.107							
Đinh Nga Phượng				4,5	A2.107																			DHCQ 17			
Đinh Nga Phượng						4,5								A2.107										DHCQ 17			
Đinh Nga Phượng														4,5			A2.107							DHCQ 17			
Đinh Nga Phượng																	4,5	A2.107							DHCQ 17		

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
4	2ML004 DC	2	Pháp luật đại cương(224_3)_01	45	0	LT	Đinh Nga Phụng															4,5	A2.107	DHCQ 17
							Đinh Nga Phụng	21/07-27/07/25	1	4,5	A2.107													DHCQ 17
							Đinh Nga Phụng					4,5	A2.107											DHCQ 17
							Đinh Nga Phụng							4,5	A2.107									DHCQ 17
							Đinh Nga Phụng									4,5	A2.107							DHCQ 17
							Đinh Nga Phụng											4,5	A2.107					DHCQ 17
							Đinh Nga Phụng													4,5	A2.107			DHCQ 17
							Đinh Nga Phụng															4,5	A2.107	DHCQ 17
							Đinh Nga Phụng																	DHCQ 17
							Đinh Nga Phụng	28/07-03/08/25	1	4,5	A2.107													DHCQ 17
							Đinh Nga Phụng					4,5	A2.107											DHCQ 17
5	3ML007 DC	3	Triết học Mác - Lênin(224_3)_01	60	0	LT	Lưu Thị Thu Hiền	30/06-13/07/25	2	1,2,3	A2.106													DHCQ 17
							Lưu Thị Thu Hiền					1,2,3	A2.106											DHCQ 17
							Lưu Thị Thu Hiền							1,2,3	A2.106									DHCQ 17
							Lưu Thị Thu Hiền									1,2,3	A2.106							DHCQ 17
							Lưu Thị Thu Hiền										1,2,3	A2.106						DHCQ 17
							Lưu Thị Thu Hiền											1,2,3	A2.106					DHCQ 17
							Lưu Thị Thu Hiền													1,2,3	A2.106			DHCQ 17
							Lưu Thị Thu Hiền	14/07-20/07/25	1	1,2,3	A2.106													DHCQ 17
							Mai Thị Thanh Châu	14/07-20/07/25	1			1,2,3	A2.108											DHCQ 17
							Mai Thị Thanh Châu							1,2,3	A2.108									DHCQ 17
							Mai Thị Thanh Châu									1,2,3	A2.108							DHCQ 17
							Mai Thị Thanh Châu										1,2,3	A2.108						DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa	
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường		
6	2ML002 DC	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh(224_3)_01	60	0	LT	Mai Thị Thanh Châu		1											1,2,3	A2.108			DHCQ 17	
							Mai Thị Thanh Châu														1,2,3	A2.108	DHCQ 17		
							Mai Thị Thanh Châu	21/07-27/07/25		1,2,3	A2.108														DHCQ 17
							Mai Thị Thanh Châu					1,2,3	A2.108											DHCQ 17	
							Mai Thị Thanh Châu							1,2,3	A2.108										DHCQ 17
							Mai Thị Thanh Châu									1,2,3	A2.108								DHCQ 17

Nghệ An, ngày 15 tháng 5 năm 2025

Người lập TKB

Trần Ngọc Trường

Phó phòng Đào tạo

Phạm Văn Thông